TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2020/HN-ST
Ngày: 18/3/2020
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Ông **Nguyễn Văn Sang.**
- Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**
- *Thư ky Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Trần Thị Hồng Vang** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận C.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ ly số: 309/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2020/QĐST-HN ngày 14 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST ngày 02/3/2020, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Trương Thị Mỹ D**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: KV Thạnh Hưng, P. Phú Thứ, Q. C, Tp. Cần Thơ.

* ***Bị đơn*:** Ông **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: KV Thạnh Hưng, P. Phú Thứ, Q C, Tp. Cần Thơ.

HKTT: KDC Thiên Lộc, KV Thạnh Phú, P. Phú Thứ, Q. C, Tp. Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN

**** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ D trình bày:*** Bà và ông H cưới nhau vào năm 1994, có đăng ky kết hôn tại UBND xã Phú An (nay là phường Phú Thứ, quận C) vào ngày 25/3/1995. Vợ chồng chung sống hạnh P được khoảng 23 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H ghen tuông vô cớ, nhiều lần hăm dọa giết bà, giết con, ông còn dọa tử tự nhiều lần. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện đã ly thân đến nay được hơn 02 năm. Nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh 12/9/1994; Nguyễn Hoàng G, sinh 20/6/2003; Nguyễn Hoàng P, sinh 26/6/2006 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh 20/6/2011. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 03 cháu G, P và Y, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu P đã trưởng thành nên việc sống với ai sẽ do tự cháu quyết định.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án có triệu tập ông Nguyễn Hoàng H, tuy nhiên ông luôn vắng mặt. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt, niêm yết theo quy định. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H.

Tại phiên tòa, bà D giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trên. Ông H vắng mặt lần thứ 2 không rỏ ly do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trương Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hoàng H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ky kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà D có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "Xin ly hôn" được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình đưa vụ án ra xét xử, Tòa án triệu tập hợp lệ đối với ông H, tuy nhiên ông vắng mặt không rỏ ly do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên do cuộc sống chung không mang lại hạnh P nên khoảng 02 năm nay vợ chồng sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ kiện, mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải nhằm giúp 02 bên có cơ hội hàn gắn tình cảm tuy nhiên ông H luôn vắng mặt cho thấy ông không mặn mà với cuộc hôn nhân này. Bản thân bà D vẫn cương quyết xin được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của cả 02 bên, nếu một bên không muốn tiếp tục thì dù có duy trì cũng không mang lại hạnh P. Do vậy nên chấp nhận nguyện vọng bà D là cho bà được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh 12/9/1994; Nguyễn Hoàng G, sinh 20/6/2003; Nguyễn Hoàng P, sinh 26/6/2006 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh 20/6/2011. Khi ly hôn bà D có yêu cầu được nuôi các cháu Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Ngọc Như Y. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả 03 cháu G, P và Y đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện ông H luôn vắng mặt do vậy không ghi nhận được y kiến cũng như nguyện vọng của ông đối với vấn đề này. Do vậy nghĩ nên giao cả 03 cháu G, P và Y cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp bà D không nuôi dưỡng tốt các cháu thì ông H có quyền khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Do bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Đối với Nguyễn Hoàng P, do P đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Do bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà D xác định không có. Do ông H vắng mặt nên cần tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Hoàng G, sinh 20/6/2003; Nguyễn Hoàng P, sinh 26/6/2006 và Nguyễn Ngọc Như Y, sinh 20/6/2011 cho bà Trương Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông H theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

5. Về án phí: Bà D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 005726 ngày 27/11/2019.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử P thẩm. Riêng ông H thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Sang ***Nguyễn Thanh Tùng*** ***Cao Thị Thanh Trúc***

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ "để báo cáo".
- VKSND TPCT, Q. C "để theo dõi".
- Các đương sự "để biết".
- THA DS Q. C "để thi hành".
- UBND P. Phú Thứ.
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Thanh Trúc